ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỢP LÝ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1382/QĐ-UBND	*Hợp Lý, ngày 18 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Trường THCS Hợp Lý, xã Hợp Lý, tỉnh Phú Thọ. Hạng mục: Nhà đa năng, khuôn viên và các hạng mục phụ trợ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỢP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ về Quản lý chi phí Đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 15/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND xã Hợp Lý về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Trường THCS Hợp Lý, xã Hợp Lý, tỉnh Phú Thọ. Hạng mục: Nhà đa năng, khuôn viên và các hạng mục phụ trợ;

Căn cứ Thông báo số 138 /TB-PKT ngày 17 / 9 /2026 của Phòng Kinh tế xã Hợp Lý về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo KTKT công trình: Trường THCS Hợp Lý, xã Hợp Lý, tỉnh Phú Thọ. Hạng mục: Nhà đa năng, khuôn viên và các hạng mục phụ trợ.

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 517/TTr-KT ngày 17/ 9/2026 về việc phê duyệt Báo cáo KTKT công trình: Trường THCS Hợp Lý, xã Hợp Lý, tỉnh Phú Thọ. Hạng mục: Nhà đa năng, khuôn viên và các hạng mục phụ trợ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo KTKT công trình: Trường THCS Hợp Lý, xã Hợp Lý, tỉnh Phú Thọ. Hạng mục: Nhà đa năng, khuôn viên và các hạng mục phụ trợ, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Trường THCS Hợp Lý, xã Hợp Lý, tỉnh Phú Thọ. Hạng mục: Nhà đa năng, khuôn viên và các hạng mục phụ trợ.

2. Mã số thông tin công trình: Chưa thực hiện.

3. Địa điểm xây dựng: xã Hợp Lý, tỉnh Phú Thọ.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Hợp Lý.

5. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án xã Hợp Lý.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo KTKT: Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư xây dựng Duy Toàn.

7. Loại, cấp, nhóm dự án: Công trình dân dụng - cấp III, dự án nhóm C.

8. Mục tiêu dự án:

Đầu tư xây dựng nhà đa năng, khuôn viên và các hạng mục phụ trợ nhằm bổ sung, hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học của Trường THCS Hợp Lý, đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới và nhu cầu sinh hoạt, rèn luyện thể chất, tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, ngoại khóa, hội họp tập thể cho học sinh và giáo viên.

Tạo lập môi trường học tập an toàn, đồng bộ, khang trang, nâng cao điều kiện vệ sinh, cảnh quan sư phạm xanh - sạch - đẹp; đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, sân bãi, hệ thống phụ trợ phục vụ hiệu quả công tác quản lý và sử dụng lâu dài.

Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, từng bước hoàn thiện tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Hợp Lý.

9. Quy mô và giải pháp kỹ thuật:

*Nhà đa năng:

- Nhà đa năng thiết kế kiến trúc hiện đại. Cốt nền cao hơn cốt sân 0,75m (gồm 05 bậc sảnh);

- Nhà gồm 01 tầng trong đó khoảng phân giữa của kết cấu cách mặt nền là 3,9m, chiều cao khoảng phân giữa còn lại là 3,6m. tổng chiều cao thông thủy và không gian thi đấu là 7,5m. chiều cao phần kèo và mái tôn là 3,5m;

- Kiến trúc mặt ngoài công trình gồm 02 mặt đứng. Lối tiếp cận vào nhà đa năng có cửa ra vào và phần diện tích sảnh + hành lang. Mặt ngoài được trang trí bởi các biểu tượng thể thao. Sát đỉnh kèo là hệ thống lam chắn nắng và lấy gió.

- Kết cấu nhà dùng kết cấu móng cọc bê tông cốt thép, hệ cột, dầm và sàn là kết cấu BTCT liền khối. Hệ tường xây dùng gạch bê tông đặc vữa XM mác

75. Các vị trí trát trần, trát tường, cột dùng vữa trát XM mác 75#. Hệ mái dùng BTCT đổ xung quanh sê nô, phần không gian bên trong được lợp tôn chống nóng 3 lớp dày 0.42mm kết hợp xà gồ, kèo thép.

- Nền sân luyện tập được sơn sàn 01 nước lót 02 nước phủ, mặt dưới có đổ bê tông dày 150mm mác 200#. Các diện tích sàn sân khấu, sảnh, kho, thay đồ được lát gạch men 800x800mm, mặt dưới có đổ bê tông dày 100mm mác 150#;

- Phòng vệ sinh được lát gạch men 300x300 chống trơn, mặt dưới có đổ bê tông dày 100mm mác 150#;

- Tường nhà vệ sinh được ốp gạch men kính 300x600 ốp cao sát trần. Các thiết bị vệ sinh được lắp đồng bộ màu trắng, các vách ngăn được dùng vách ngăn Composite. Trần phòng vệ sinh được trần tấm nhôm kích thước 60x60cm;

- Phần tam cấp được ốp đá granit, bậc tam cấp xây gạch bê tông đặc VXM75#;

- Phần tường trong, ngoài nhà, dầm, trần được sơn 01 nước lót 02 nước màu;

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ được làm bằng cửa nhôm hệ, kính trắng, kính mờ dày 6,38mm, cửa sổ được lắp song Inox bảo vệ 13x26x1.5mm.

- Mái nhà đa năng được lợp tôn xốp cách nhiệt tôn dày 0.42mm, kết cấu mái dùng hệ xà gồ C150x50x18x2 kết hợp với hệ vì kèo thép hình.

- Hệ thống điện, chống sét, cấp thoát nước, phù hợp với quy mô công trình.

*Hạng mục khuôn viên:

- San nền toàn bộ sân phía sau trường cos san nền phù hợp với mặt bằng chung. Trước khi san nền cần bóc bỏ lớp đất hữu cơ, cỏ rác chiều dày lớp bóc bỏ 20cm, phế thải đất đổ bỏ đúng nơi quy định. Đất đắp nền là đất cấp 3 lu lèn đầm chặt yêu cầu là K90.

- Lát sân bằng gạch Terrazzo kích thước 40x40x30cm trên lớp VXM75# và lớp BTXM 150# đá 1x2 dày 10cm.

- Bê tông nền sân bằng BTXM200# đá 1x2 dày 15cm.

- Bó bồn cây bằng đá tự nhiên (KT120x180x600)mm trên lớp BTXM lót móng mác 150 đá 2x4 dày 10cm. Trên bồn cây bố trí trồng cây (Bàng Đài Loan) chiều cao >=3m đường kính 12-15cm cách gốc 1.2m. Cây được cố định bằng cột chống.

- Xây bó bờ cây bằng gạch bê tông đặc VXM75# trên lớp bê tông lót móng 150# đá 2x4 dày 10cm. Hoàn thiện trát bờ bó bằng VXM75# dày 1.5cm.

- Xây dựng rãnh thoát nước khẩu độ B40 (loại 1) móng rãnh BTXM200# đá 1x2 , thành rãnh dày 220mm xây gạch bê tông đặc VXM75#, mũ tường BTXM200# đá 1x2, trát thành rãnh VXM dày 1,5cm, Tấm đan đạy rãnh BTCT 250#.

- Xây dựng rãnh thoát nước khẩu độ B30 (loại 2) đáy rãnh BTXM200# đá 1x2, thành rãnh dày 110mm xây gạch bê tông đặc VXM75#, trát thành rãnh VXM dày 1,5cm, Tấm đan đạy rãnh BTCT 250#.

- Xây dựng hố ga thu nước đáy hố ga (loại 1) lót lớp móng hố ga BTXM200# đá 1x2, thành hố ga dày 220mm xây gạch bê tông đặc VXM75#, mũ tường BTXM200# đá 1x2, trát thành hố ga VXM dày 1,5cm, Tấm đan hố ga BTCT 250#.

- Xây dựng hố ga thu nước đáy hố ga (loại 2) lót lớp móng hố ga BTXM200# đá 1x2, thành hố ga dày 110mm xây gạch bê tông đặc VXM75#, trát thành hố ga VXM dày 1,5cm, Tấm đan hố ga BTCT 250#.

*Hạng mục phụ trợ:

- Sân bóng mini có kích thước 32x20m mặt sân thảm cỏ nhân tạo trên lớp đá mạt phủ dày 3cm, lớp cấp phối đá 1x2 dày 10cm, lớp cấp phối đá 2x4 dày 10cm các lớp được lu lèn đảm bảo độ chặt và độ dốc của sân. Quanh sân bố trí hệ thống điện chiếu sáng và hệ thống lưới được quây quanh sân.

- Hố chứa rác bờ xung quanh xây bó bằng gạch bê tông đặc VXM75#, lót móng bằng bê tông lót nền 150#, hoàn thiện trát bờ bó bằng VXM75#. Bê tông nền sân chứa rác bằng BTXM 200# đá 1x2 dày 15cm. Lò đốt rác xây gạch bê tông đặc VXM75, mái trên lò đốt BTXM200# hoàn thiện lò đốt rác trát VXM75#.

- Phá dỡ một số hạng mục trên mặt bằng đã xuống cấp, phế thải phá dỡ vận chuyển đúng nơi quy định.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn.

- TCVN 2737: 2023 Tải trọng và tác động.
- TCXDVN 5574: 2018 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 5575: 2024 Kết cấu thép. Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 10304: 2025 Móng cọc. Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9362:2012 - Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9377-1:2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012 - Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5573: 2025 - Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9206 : 2012 - Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 13606:2023 – Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Yêu cầu thiết kế;
- Các tài liệu khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư:

a. Căn cứ lập tổng mức đầu tư:

- Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/06/2026 của Chính phủ về Quản lý chi phí Đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định 193/2026/NĐ-CP ngày 01/06/2026 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế GTGT 2% đến hết năm 2026 Nghị quyết số 204/2025/QH15;

- Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân;

- Thông tư 36/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 về Ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 06 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

-Chi phí nhân công theo Quyết định số 677/QĐ-SXD ngày 02/07/2026 của Sở Xây dựng Tỉnh Phú Thọ;

- Chi phí ca máy: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/06/2026 của Bộ Xây dựngvà tham khảo Quyết định số 677/QĐ-SXD ngày 02/07/2026 của Sở Xây dựng Tỉnh Phú Thọ;

- Giá vật liệu theo công bố giá vật liệu xây dựng tháng 8 năm 2026 của Sở Xây dựng Phú Thọ (kèm theo Công bố giá vật liệu số 10527/CBGVL-SXD ngày 28/08/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ; Giá nhiên liệu lấy tại thời điểm 10/9/2026; Giá điện lấy tại thời điểm 09/5/2025.

- Và một số Quy định của Nhà nước có liên quan.

b. Tổng mức đầu tư của dự án:

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Hạng mục	Giá trị
	Tổng giá trị	**8.370.239.000**
1	Chi phí xây dựng	6.595.025.000
2	Chi phí QLDA	208.141.000
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	693.394.000
4	Chi phí khác	112.748.000
5	Chi phí dự phòng	760.931.000

(Bằng chữ: Tám tỷ, ba trăm bảy mươi triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn đồng)

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026-2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Ngân sách xã và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư thực hiện quản lý dự án theo quy định.

15. Phương án sơ bộ GPMB: Dự án không phải thực hiện bồi thường, hỗ trợ GPMB về đất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm:

- Thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng tiếp theo theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức, thực hiện thi công công trình theo tiến độ được duyệt.

- Quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư đảm bảo không vượt tổng mức đầu tư dự án được duyệt.

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định (Báo cáo giám sát đánh giá đầu tư dự án theo quy định tại Nghị định số 19/2026/NĐ-CP ngày 14/1/2026 của Chính phủ), đảm bảo các điều kiện cần thiết để việc đầu tư dự án đạt hiệu quả tối đa.

2. Phòng Kinh tế chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện của Chủ đầu tư, các cơ quan liên quan theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Giám đốc Ban quản lý dự án xã; Kho bạc nhà nước và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TT ĐU, HĐND xã (b/c);
- CT, PCT UBND xã;
- CPVP HĐND & UBND xã;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: VT, KT.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hòa